

A. GIỚI HẠN ÔN TẬP

B. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Bài 1. Công nghệ và đời sống

Câu 1: Khoa học là

- A. hệ thống tri thức về mọi quy luật và sự vận động của vật chất, những quy luật của tự nhiên, xã hội, tư duy.
- B. ứng dụng các nguyên lí khoa học vào việc thiết kế, chế tạo, vận hành máy móc, thiết bị, công trình, quy mô và hệ thống một cách hiệu quả và kinh tế nhất.
- C. giải pháp, quy trình, bí quyết kĩ thuật có hoặc không kèm theo công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm, dịch vụ.
- D. người làm công tác nghiên cứu khoa học với các phương pháp nghiên cứu khác nhau trong các lĩnh vực, ngành nghề khác nhau.

Câu 2: Kĩ thuật là

- A. hệ thống tri thức về mọi quy luật và sự vận động của vật chất, những quy luật của tự nhiên, xã hội, tư duy.
- B. ứng dụng các nguyên lí khoa học vào việc thiết kế, chế tạo, vận hành máy móc, thiết bị, công trình, quy mô và hệ thống một cách hiệu quả và kinh tế nhất.
- C. giải pháp, quy trình, bí quyết kĩ thuật có hoặc không kèm theo công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm, dịch vụ.
- D. người làm việc trong lĩnh vực kĩ thuật.

Câu 3: Công nghệ là gì ?

- A. Là hệ thống tri thức về mọi quy luật và sự vận động của vật chất, những quy luật của tự nhiên, xã hội, tư duy.
- B. Là việc ứng dụng các nguyên lí khoa học vào thiết kế, chế tạo , vận hành máy móc, thiết bị, công trình, quy trình và hệ thống một cách hiệu quả và kinh tế nhất.
- C. Là giải pháp, quy trình, bí quyết kĩ thuật có kèm theo công cụ, phương tiện.
- D. Là giải pháp, quy trình, bí quyết kĩ thuật có hoặc không kèm theo công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm.

Câu 4. Khoa học tạo cơ sở cho sự phát triển của....

- A. kĩ thuật C. công nghệ
- B. máy móc D. thiết bị

Câu 5. Nhận định nào sau đây sai ?

- A. Khoa học là cơ sở của kĩ thuật; kĩ thuật thúc đẩy khoa học phát triển.
- B. Kĩ thuật tạo ra công nghệ mới, dựa trên công nghệ hiện có.
- C. Công nghệ tạo ra kĩ thuật, dựa trên những tri thức của khoa học.
- D. Công nghệ thúc đẩy khoa học; khoa học là cơ sở phát triển công nghệ

Bài 2. Hệ thống kĩ thuật

Câu 6: Hệ thống kĩ thuật được chia làm mấy loại?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 7: Thiết bị nào sau đây thuộc đầu ra của hệ thống kĩ thuật cảnh báo cháy?

- A. Đầu báo khói. B. Nút ấn báo cháy. C. Đèn báo vị trí. D. Tủ trung tâm báo cháy.

Câu 8: Cấu trúc của một hệ thống kĩ thuật gồm 3 phần tử chính sau:

- A. đầu vào, tiếp nhận, xử lí.
- B. chấp hành, đầu vào, tiếp nhận.

C.chấp hành, đầu ra, xử lí.

D.đầu vào, xử lí, đầu ra.

Bài 3. Công nghệ phổ biến

Câu 9: Công nghệ nào sau đây thuộc lĩnh vực điện – điện tử?

A. Công nghệ gia công áp lực

B. Công nghệ hàn

C. Công nghệ sản xuất điện năng

D. Công nghệ đúc

Câu 10: Công nghệ nào sau đây thuộc lĩnh vực luyện kim- cơ khí?

A. Công nghệ điện – quang

B. Công nghệ sản xuất điện năng.

C. Công nghệ truyền thông không dây

D. Công nghệ hàn

Câu 11: Công nghệ luyện kim là

A. điều chế kim loại, hợp kim để dùng trong cuộc sống từ các loại quặng hoặc từ các nguyên liệu khác.

B. chế tạo sản phẩm kim loại bằng phương pháp nấu kim loại thành trạng thái lỏng, sau đó rót vào khuôn có hình dạng và kích thước như sản phẩm.

C. thực hiện việc lấy đi một phần kim loại của phôi dưới dạng phoi nhờ các dụng cụ cắt và máy cắt kim loại để tạo ra chi tiết có hình dạng, kích thước theo yêu cầu.

D. dựa vào tính dẻo của kim loại, dùng ngoại lực của thiết bị làm cho kim loại biến dạng theo hình dáng yêu cầu.

Câu 12: Công nghệ đúc là

A. điều chế kim loại, hợp kim để dùng trong cuộc sống từ các loại quặng hoặc từ các nguyên liệu khác.

B. chế tạo sản phẩm kim loại bằng phương pháp nấu kim loại thành trạng thái lỏng, sau đó rót vào khuôn có hình dạng và kích thước như sản phẩm.

C. thực hiện việc lấy đi một phần kim loại của phôi dưới dạng phoi nhờ các dụng cụ cắt và máy cắt kim loại để tạo ra chi tiết có hình dạng, kích thước theo yêu cầu.

D. dựa vào tính dẻo của kim loại, dùng ngoại lực của thiết bị làm cho kim loại biến dạng theo hình dáng yêu cầu.

Câu 13: Sản phẩm nào sau đây không sử dụng công nghệ điện-cơ ?

A. Quạt điện.

B. Van điện từ.

C. Relay.

D. Bóng đèn LED.

Bài 4. Một số công nghệ mới.

Câu 14: Công nghệ điều khiển và tự động hóa là công nghệ

A. biến đổi các năng lượng khác thành điện năng.

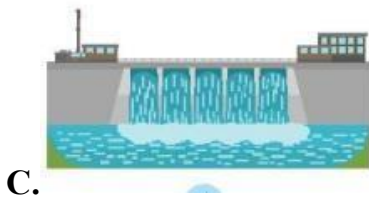
B. biến đổi điện năng thành quang năng

C. biến đổi năng lượng điện sang cơ năng.

D. thiết kế, xây dựng, vận hành các hệ thống điều khiển nhằm mục đích tự động các quá trình sản xuất tại các nhà máy, xí nghiệp.

Câu 15: Hình ảnh nào sau đây thể hiện năng lượng gió?





Câu 13: Công nghệ nano là

- A. phân tích, chế tạo và ứng dụng các vật liệu có cấu trúc nano.
- B. sử dụng phần mềm CAD để thiết kế chi tiết sau đó chuyển mô hình thiết kế đến phần mềm CAM để lập quy trình công nghệ gia công chi tiết sau đó sử dụng máy điều khiển số CNC để gia công chi tiết.
- C. phân tách mô hình 3D thành các lớp 2D xem chồng lên nhau.
- D. sản xuất năng lượng trên cơ sở chuyển hóa từ các nguồn năng lượng liên tục, vô hạn, ít tác động tiêu cực đến môi trường.

Câu 14: Công nghệ in 3D là

- A. phân tích, chế tạo và ứng dụng các vật liệu có cấu trúc nano.
- B. sử dụng phần mềm CAD để thiết kế chi tiết sau đó chuyển mô hình thiết kế đến phần mềm CAM để lập quy trình công nghệ gia công chi tiết sau đó sử dụng máy điều khiển số CNC để gia công chi tiết.
- C. phân tách mô hình 3D thành các lớp 2D xem chồng lên nhau.
- D. sản xuất năng lượng trên cơ sở chuyển hóa từ các nguồn năng lượng liên tục, vô hạn, ít tác động tiêu cực đến môi trường.

Câu 15: Công nghệ CAD/ CAM/ CNC là

- A. phân tích, chế tạo và ứng dụng các vật liệu có cấu trúc nano.
- B. sử dụng phần mềm CAD để thiết kế chi tiết sau đó chuyển mô hình thiết kế đến phần mềm CAM để lập quy trình công nghệ gia công chi tiết, rồi sử dụng máy điều khiển số CNC để gia công chi tiết.
- C. phân tách mô hình 3D thành các lớp 2D xem chồng lên nhau.
- D. sản xuất năng lượng trên cơ sở chuyển hóa từ các nguồn năng lượng liên tục, vô hạn,

Câu 16: Công nghệ năng lượng tái tạo là

- A. phân tích, chế tạo và ứng dụng các vật liệu có cấu trúc nano.
- B. sử dụng phần mềm CAD để thiết kế chi tiết sau đó chuyển mô hình thiết kế đến phần mềm CAM để lập quy trình công nghệ gia công chi tiết sau đó sử dụng máy điều khiển số CNC gia công chi tiết.
- C. phân tách mô hình 3D thành các lớp 2D xem chồng lên nhau.
- D. sản xuất năng lượng trên cơ sở chuyển hóa từ các nguồn năng lượng liên tục, vô hạn, ít tác động tiêu cực đến môi trường.

Bài 5: Đánh giá công nghệ

Câu 17: Tiêu chí về hiệu quả của đánh giá công nghệ là đánh giá về

- A. năng suất công nghệ.
- B. độ chính xác của công nghệ
- C. chi phí đầu tư
- D. sự tác động của công nghệ đến môi trường không khí

Câu 18: Tiêu chí về độ tin cậy của đánh giá công nghệ là đánh giá về

- A. năng suất công nghệ.
- B. độ chính xác của công nghệ
- C. chi phí đầu tư
- D. sự tác động của công nghệ đến môi trường không khí

Câu 19: Tiêu chí về kinh tế của đánh giá công nghệ là đánh giá

- A. năng suất công nghệ.
- B. độ chính xác của công nghệ
- C. chi phí đầu tư
- D. sự tác động của công nghệ đến môi trường không khí

Câu 20: Tiêu chí về môi trường của đánh giá công nghệ là đánh giá

- A. năng suất công nghệ.
- B. độ chính xác của công nghệ
- C. chi phí đầu tư
- D. sự tác động của công nghệ đến môi trường xung quanh.

Bài 6: Cách mạng công nghiệp

Câu 21: Lịch sử loài người đã trải qua mấy cuộc cách mạng công nghiệp?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 22: Đặc trưng cho cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất là

- A. năng lượng hơi nước và cơ giới hóa
B. năng lượng điện và sản xuất hàng loạt
C. công nghệ thông tin và tự động hóa
D. công nghệ số và trí tuệ nhân tạo

Câu 23: Đặc trưng cho cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai là

- A. động cơ hơi nước và cơ giới hóa
B. năng lượng điện và sản xuất hàng loạt
C. công nghệ thông tin và tự động hóa
D. công nghệ số và trí tuệ nhân tạo

Câu 24: Đặc trưng cho cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba là

- A. động cơ hơi nước và cơ giới hóa
B. năng lượng điện và sản xuất hàng loạt
C. công nghệ thông tin và tự động hóa
D. công nghệ số và trí tuệ nhân tạo

Câu 25: Đặc trưng cho cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư là

- A. động cơ hơi nước và cơ giới hóa
B. năng lượng điện và sản xuất hàng loạt
C. công nghệ thông tin và tự động hóa
D. công nghệ số, tính kết nối và trí tuệ nhân tạo

Câu 26: Thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ hai là

- A. máy hơi nước của James Watt
B. máy dệt vải của linh mục Edmund Cartwright
C. luyện thép của Henry Cort
D. tua bin hơi phản lực của Charles Parsons

Câu 27: Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất diễn ra khi nào?

- A. Đầu thế kỉ XVIII
B. Cuối thế kỉ XVIII
C. Giữa thế kỉ XVIII
D. Cuối thế kỉ XVII.

Câu 28: Việc phát minh máy tính xách tay năm 1970 là thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ

- A. nhất.
B. hai.
C. ba.
D. tư.

Bài 7: Ngành nghề kĩ thuật, công nghệ

Câu 29: Nghề nào sau đây **không** thuộc ngành cơ khí?

- A. Hàn
B. Cơ khí chế tạo
C. Chế tạo khuôn mẫu
D. Lắp đặt hệ thống điện.

Câu 30: Người làm việc trong lĩnh vực cơ khí cần đáp ứng một số yêu cầu chính nào sau đây?

- A. Đọc được bản vẽ xây dựng và thực hiện thi công được công trình nhà ở.
B. Thiết kế, vận hành, sử dụng và bảo dưỡng được hệ thống điện.
C. Được đào tạo đầy đủ về công nghệ thông tin, điện và điện tử.
D. Thực hiện được đầy đủ về công nghệ thông tin, điện và điện tử.

Câu 31: Hiện nay, triển vọng và nhu cầu lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ

- A. Phát triển mạnh, đòi hỏi nguồn nhân lực được đào tạo chuyên môn.
B. Phát triển chậm và nhu cầu về nguồn nhân lực giảm.
C. Nhu cầu nguồn nhân lực về nông nghiệp tăng, về công nghiệp giảm.
D. Nhu cầu nguồn nhân lực về công nghiệp và dịch vụ giảm.

Bài 8 Bản vẽ kĩ thuật và tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kĩ thuật

Câu 32: Bản vẽ kĩ thuật trình bày các thông tin về

- A. hình dạng, kích thước của vật thể và các kí hiệu.
B. công dụng, kích thước của vật thể và các kí hiệu.
C. hình dạng, tên gọi và công dụng của vật thể.
D. công dụng, tên gọi và đặc điểm của vật thể.

Câu 33: Đây là nét liền đậm?

- A. 
B. 
C. 
D. 

Câu 34: Tỷ lệ là

- A. tỉ số giữa kích thước đo được trên hình biểu diễn với kích thước tương ứng đo trên vật thể.
B. tỉ số giữa kích thước giảm bớt trên vật thể tương ứng với kích thước nguyên gốc trên hình biểu diễn.

C. tỉ số giữa kích thước giảm bớt trên hình biểu diễn tương ứng với kích thước nguyên gốc trên vật thể.
D. tất cả các đáp án trên.

Câu 35: Chiều rộng (d) của nét chữ thường lấy bằng bao nhiêu của chiều cao chữ hoa (h)?

- A. $h/5$ B. $h/10$ C. $2/h$ D. $5/h$

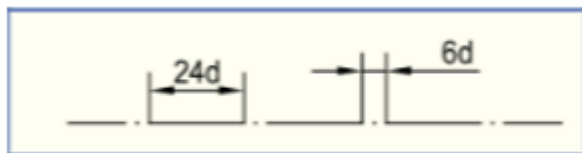
Câu 36: Đâu không phải một thành phần của kích thước?

- A. Đường gióng B. Đường kích thước C. Đường qua tâm D. Chữ số kích thước

Câu 37: Ứng dụng của nét lượn sóng là gì?

- A. Đường bao thấy, cạnh thấy, khung vẽ B. Đường kích thước và đường gióng
C. Đường gạch mặt cắt D. Đường giới hạn một phần hình cắt

Câu 38: Đây là hình dạng của nét vẽ nào?



- A. Nét đứt mảnh B. Nét gạch dài-chấm-mảnh
C. Nét gạch dài-chấm-đậm D. Nét vuông dài

Câu 39: Đâu là một ví dụ về tỉ lệ thu nhỏ?

- A. 1:5 B. 2:2 C. 10:1 D. 1000:125

Câu 40: Vai trò của bản vẽ kỹ thuật là gì?

- A. Trong sản xuất, bản vẽ kỹ thuật là căn cứ để gia công, chế tạo, lắp ráp, thi công và kiểm tra sản phẩm,...
- B. Trong đời sống, mỗi thiết bị thường đi kèm theo sơ đồ, hình vẽ, hướng dẫn sử dụng, lắp ghép hoặc sửa chữa sao cho an toàn, hiệu quả.
- C. Bản vẽ kỹ thuật là phương tiện thông tin dùng trong kỹ thuật và được coi là “ngôn ngữ” kỹ thuật.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 41: Đâu là tiêu chuẩn về khổ giấy đối với bản vẽ?

- A. Giấy phải sáng, mịn, phù hợp với nhiều loại bút, màu, kích thước từ A0 đến A4 quy định theo TCVN
- B. Giấy phải sáng, mịn, phù hợp với nhiều loại bút, màu, kích thước từ A1 đến A5 quy định theo TCVN
- C. Bản vẽ được vẽ trên các khổ giấy từ A0 đến A4 quy định theo TCVN và phải được kẻ khung bản vẽ và khung tên.
- D. Bản vẽ được vẽ trên các khổ giấy từ A1 đến A5 quy định theo TCVN và phải được kẻ khung bản vẽ và khung tên.

Bài 9 Hình chiếu vuông góc

Câu 42: Trong phương pháp góc chiếu thứ nhất thì hình chiếu từ trên còn gọi là gì?

- A. Hình chiếu đứng B. Hình chiếu bằng C. Hình chiếu cạnh D. Hình chiếu trên

Câu 43: Theo quy định trên bản vẽ HCVG thì đường bao khuất phải vẽ bằng

- A. Nét liền mảnh đậm B. Nét liền mảnh nhạt C. Nét đứt mảnh D. Nét chấm đứt mảnh

Câu 44: Theo quy định trên bản vẽ HCVG thì đường trục cho các vật thể đối xứng phải vẽ bằng

- A. Nét gạch dài – chấm – mảnh. B. Nét liền dài có chấm ở trên
C. Nét liền ngắn có chấm – gạch ở trên. D. Không vẽ gì.

Bài 10 : Hình cắt và mặt cắt

Câu 45: Hình biểu diễn đường bao ngoài của vật thể nằm trên mặt phẳng cắt gọi là:

- A. Mặt cắt B. Hình cắt C. Hình vát cạnh D. Mặt loại bỏ

Câu 46: Đường giới hạn phần hình cắt của hình cắt cục bộ được vẽ bằng:

- A. Nét lượn sóng mảnh B. Nét ngang C. Nét gạch D. Nét thẳng.

Câu 47: Hình cắt là

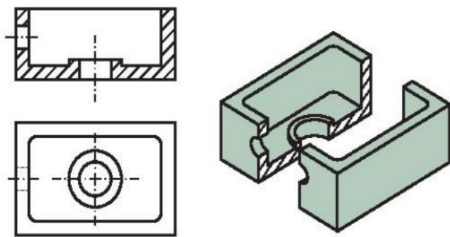
- A. Hình được tạo bởi mặt phẳng cắt và phương thức chiếu góc.

B. Hình biểu diễn đường bao ngoài của vật thể nằm trên mặt phẳng cắt.

C. Hình biểu diễn mặt cắt và các đường bao của vật thể sau mặt phẳng cắt.

D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 48: Hình vẽ bên dưới biểu thị:



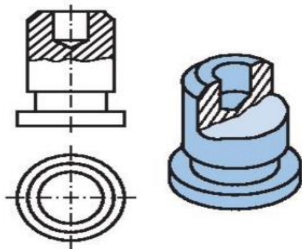
A. Hình cắt toàn bộ.

B. Mặt cắt chập.

C. Hình cắt một nửa.

D. Mặt cắt rời.

Câu 49: Hình vẽ dưới đây biểu thị:



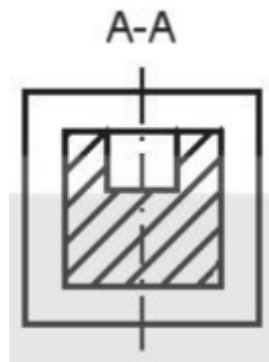
A. Hình cắt toàn bộ.

B. Hình cắt bán phần.

C. Hình cắt cục bộ.

D. Không xác định được.

Câu 50: Hình vẽ bên dưới biểu thị:



A. Mặt cắt.

B. Hình cắt.

C. Không xác định được.

D. Hình chiếu.

B. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1: Một nhà máy luyện kim đang sử dụng lò cao để sản xuất gang từ quặng sắt. Quá trình này yêu cầu nguyên liệu như quặng sắt (Fe_2O_3), than cốc (C) và đá vôi (CaCO_3). Sau khi gang được sản xuất, nó có thể tiếp tục được tinh chế thành thép trong lò luyện thép.

a. Trong lò cao, than cốc đóng vai trò tạo nhiệt và tham gia phản ứng khử oxit sắt, giúp tách sắt ra khỏi quặng.

b. Quá trình luyện gang có thể diễn ra ở nhiệt độ dưới 500°C vì gang có nhiệt độ nóng chảy thấp.

c. Đá vôi được thêm vào lò cao nhằm loại bỏ tạp chất trong quặng sắt, tạo thành xỉ.

d. Công nghệ luyện kim đen chỉ bao gồm sản xuất gang và thép, trong khi công nghệ luyện kim màu được sử dụng để sản xuất nhôm, đồng và kẽm.

Câu 2: Một công ty cơ khí cần sản xuất hàng loạt vỏ động cơ ô tô có hình dạng phức tạp, yêu cầu độ bền cao và kích thước chính xác. Để thực hiện, họ lựa chọn công nghệ đúc kim loại thay vì gia công cắt gọt. Trong quá trình sản xuất, họ sử dụng phương pháp đúc áp lực và đúc trong khuôn cát.

- a. Đúc li tâm là phương pháp phù hợp để tạo ra các chi tiết hình ống, như ống thép hoặc bạc lót trục.
- b. Công nghệ đúc có thể áp dụng để chế tạo các chi tiết máy, tượng nghệ thuật và các sản phẩm có thiết kế đặc biệt.
- c. Đúc áp lực giúp tạo ra sản phẩm có độ chính xác cao, nhưng không thể sản xuất hàng loạt do chi phí cao.
- d. Đúc trong khuôn cát thường được sử dụng để tạo ra các chi tiết có hình dạng phức tạp với chi phí rẻ hơn, nhưng cần gia công cơ khí để đạt độ chính xác cao.

Câu 3: Trong ngành cơ khí và xây dựng, công nghệ hàn đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối các chi tiết kim loại lại với nhau. Các phương pháp hàn phổ biến bao gồm hàn hồ quang điện, hàn khí và hàn áp lực. Hiện nay, công nghệ hàn tự động đang dần thay thế hàn thủ công để tăng độ chính xác và năng suất sản xuất.

- a. Hàn hồ quang điện sử dụng nhiệt lượng từ hồ điệp (một loài bướm) để làm nóng chảy kim loại, tạo ra mối hàn chắc chắn.
- b. Hàn áp lực yêu cầu nung kim loại đến trạng thái lỏng trước khi ép hai chi tiết lại với nhau để tạo mối hàn.
- c. Hàn khí thường sử dụng hỗn hợp oxy – axetylen để tạo ngọn lửa có nhiệt độ cao, làm nóng chảy kim loại tại vị trí hàn.
- d. Trong ngành công nghiệp, hàn robot ngày càng được sử dụng nhiều hơn để thay thế lao động thủ công, giúp nâng cao chất lượng mối hàn và tăng năng suất.

Câu 4: Một công ty xây dựng đang tiến hành thiết kế một tòa nhà chung cư cao tầng. Đội ngũ kỹ sư cần sử dụng bản vẽ mặt bằng, bản vẽ kết cấu và bản vẽ hệ thống điện nước để triển khai dự án. Tuy nhiên, một số công nhân chưa quen với việc đọc bản vẽ kỹ thuật, gây khó khăn trong quá trình thi công.

- a. Bản vẽ kỹ thuật giúp truyền đạt chính xác ý tưởng thiết kế và là cơ sở để thi công các công trình xây dựng.
- b. Trong sản xuất cơ khí, bản vẽ kỹ thuật chỉ mang tính chất tham khảo, không cần thiết khi chế tạo sản phẩm.
- c. Bản vẽ hệ thống điện trong một tòa nhà giúp xác định vị trí lắp đặt thiết bị và đường dây điện một cách chính xác.
- d. Một bản vẽ kỹ thuật cần tuân theo tiêu chuẩn trình bày để đảm bảo tính thống nhất và dễ hiểu cho người sử dụng.

Câu 5: Một nhóm học sinh đang vẽ bản vẽ kỹ thuật cho một chiếc ghế gỗ nhưng gặp một số vấn đề trong việc chọn khổ giấy, nét vẽ và ghi kích thước.

- a. Khổ giấy A0 là khổ giấy lớn nhất và có thể được chia thành các khổ giấy nhỏ hơn như A1, A2, A3, A4.
- b. Nét liền đậm được sử dụng để vẽ đường bao thấy và cạnh thấy của vật thể.
- c. Chữ số kích thước trên bản vẽ kỹ thuật phải được ghi theo tỷ lệ của bản vẽ, ví dụ nếu bản vẽ theo tỷ lệ 1:10 thì kích thước cũng phải chia nhỏ theo tỷ lệ.
- d. Trong bản vẽ kỹ thuật, nét đứt mảnh được dùng để biểu diễn cạnh khuất của vật thể.

Câu 6: Một nhà thiết kế nội thất cần vẽ một chiếc bàn làm việc có kích thước thực tế 1,5m x 0,75m x 0,75m. Anh ta đang phân vân giữa các tỷ lệ sau để thể hiện bản vẽ trên khổ giấy A3 (420mm x 297mm).

- a. Nếu sử dụng tỷ lệ 1:2, bản vẽ sẽ có kích thước 750mm x 375mm x 375mm, phù hợp để trình bày trên khổ giấy A3.
- b. Nếu sử dụng tỷ lệ 1:5, bản vẽ sẽ nhỏ hơn nhưng vẫn thể hiện được đầy đủ kích thước của vật thể.
- c. Trong bản vẽ này, đường bao của mặt bàn sẽ được vẽ bằng nét đứt để thể hiện phần nhìn thấy.
- d. Khi ghi kích thước, các đường gióng phải kéo dài vượt quá đường kích thước từ 2mm đến 4mm theo tiêu chuẩn trình bày.

C.TỰ LUẬN

Cho vật thể như hình vẽ:

Câu 1: Vẽ 3 hình chiếu vuông góc của vật thể.

Câu 2: Ghi kích thước của vật thể trên hình chiếu vừa tìm được.

Câu 3: Hãy vẽ hình cắt một nửa của vật thể khi dùng mặt phẳng cắt song song với mặt phẳng hình chiếu đứng, cắt chính giữa vật thể.

